

HKSSF All Hong Kong Inter-Primary School Squash Competition 2018-2019

Division : Boys B Grade (男子乙組)
Date : 2018/12/01, 2018/12/02, 2018/12/08
Venue : Hong Kong Squash Centre (No.23 Cotton Tree Drive, Hong Kong)
 香港壁球中心 (香港金鐘紅棉路23號)

Main Draw 主要賽事 (Revised on 26/11/2018) (PAGE 1/4)

Round 1	Round 2	Round 3	Round 4	Quarter-Finals	Semi-Finals	Final
Law Cyrus Pak Ho 羅柏皓 (浸聯)(1) --	Law Cyrus Pak Ho 羅柏皓 (浸聯) (1) 2018-12-01 / 15:00 / Crt 5 TBC	TBC 2018-12-02 / 11:20 / Crt 9 TBC	TBC 2018-12-02 / 15:00 / Crt 9 TBC	TBC 2018-12-02 / 17:00 / Crt 9 TBC	TBC 2018-12-08 / 10:40 / Crt 7 TBC	TBC
Man Pok Wang 文博泓 (沙官) 2018-12-01 / 10:40 / Crt 10 Tsang Ethan Concor 曾國能 (拔萃男附 小)						
Ho Tsz Ho Nicca 何梓昊 (喇沙) --	Ho Tsz Ho Nicca 何梓昊 (喇沙) 2018-12-01 / 15:00 / Crt 4	TBC 2018-12-02 / 11:20 / Crt 8 TBC	TBC 2018-12-02 / 11:20 / Crt 7 TBC	TBC 2018-12-02 / 17:00 / Crt 9 TBC	TBC 2018-12-08 / 10:40 / Crt 7 TBC	TBC
Lu Chun Wai 盧鎮偉 (嘉諾撒)	Lu Chun Wai 盧鎮偉 (嘉諾撒)					
Chok Wai Hin 祝尉軒 (田千) --	Chok Wai Hin 祝尉軒 (田千) 2018-12-01 / 15:00 / Crt 3	TBC 2018-12-02 / 11:20 / Crt 8 TBC	TBC 2018-12-02 / 11:20 / Crt 7 TBC	TBC 2018-12-02 / 17:00 / Crt 9 TBC	TBC 2018-12-08 / 10:40 / Crt 7 TBC	TBC
Lee Shun Hei 李淳晞 (玫瑰崗)	Lee Shun Hei 李淳晞 (玫瑰崗)					
Wong Christian 黃敬貽 (拔萃男附小) --	Wong Christian 黃敬貽 (拔萃男附 小) 2018-12-01 / 15:00 / Crt 2	TBC 2018-12-02 / 11:20 / Crt 7 TBC	TBC 2018-12-02 / 11:20 / Crt 7 TBC	TBC 2018-12-02 / 17:00 / Crt 9 TBC	TBC 2018-12-08 / 10:40 / Crt 7 TBC	TBC
Cheung Kasper 張晉匡 (沙官) (9/16)	Cheung Kasper 張晉匡 (沙官) (9/16)					
Chan Kai Lam 陳啟霖 (田千) (9/16) --	Chan Kai Lam 陳啟霖 (田千) (9/16) 2018-12-01 / 15:20 / Crt 9	TBC 2018-12-02 / 11:20 / Crt 7 TBC	TBC 2018-12-02 / 11:20 / Crt 7 TBC	TBC 2018-12-02 / 17:00 / Crt 9 TBC	TBC 2018-12-08 / 10:40 / Crt 7 TBC	TBC
Huang Chi Kin 黃智樾 (沙官)	Huang Chi Kin 黃智樾 (沙官)					
Sun Ryan 辛家豪 (喇沙) --	Sun Ryan 辛家豪 (喇沙) 2018-12-01 / 15:20 / Crt 8	TBC 2018-12-02 / 11:20 / Crt 7 TBC	TBC 2018-12-02 / 11:20 / Crt 7 TBC	TBC 2018-12-02 / 17:00 / Crt 9 TBC	TBC 2018-12-08 / 10:40 / Crt 7 TBC	TBC
Cheung Ka Chi 張家智 (天水圍靈愛)	Cheung Ka Chi 張家智 (天水圍靈 愛)					
Tsang San Lok 曾榮樂 (聖文德) --	Tsang San Lok 曾榮樂 (聖文德) 2018-12-01 / 15:20 / Crt 7	TBC 2018-12-02 / 11:20 / Crt 11 TBC	TBC 2018-12-02 / 11:20 / Crt 7 TBC	TBC 2018-12-02 / 17:00 / Crt 9 TBC	TBC 2018-12-08 / 10:40 / Crt 7 TBC	TBC
Lam Tsz Chun 林子俊 (博梁省德)	Lam Tsz Chun 林子俊 (博梁省德)					
Chan Hoi Ching 陳凱程 (浸聯) --	Chan Hoi Ching 陳凱程 (浸聯) 2018-12-01 / 15:20 / Crt 11	TBC 2018-12-02 / 11:20 / Crt 11 TBC	TBC 2018-12-02 / 11:20 / Crt 7 TBC	TBC 2018-12-02 / 17:00 / Crt 9 TBC	TBC 2018-12-08 / 10:40 / Crt 7 TBC	TBC
Kun Yik Lam 管翊霖 (聖約瑟) (5/8)	Kun Yik Lam 管翊霖 (聖約瑟) (5/8)					

HKSSF All Hong Kong Inter-Primary School Squash Competition 2018-2019

Division : Boys B Grade (男子乙組)
Date : 2018/12/01, 2018/12/02, 2018/12/08
Venue : Hong Kong Squash Centre (No.23 Cotton Tree Drive, Hong Kong)
 香港壁球中心 (香港金鐘紅棉路23號)

Main Draw 主要賽事 (Revised on 26/11/2018) (PAGE 2/4)

Round 1	Round 2	Round 3	Round 4	Quarter-Finals	Semi-Finals	Final
Man Yui Fong Wilfred 文睿晃 (喇沙) (5/8) --	Man Yui Fong Wilfred 文睿晃 (喇沙) (5/8) 2018-12-01 / 15:20 / Crt 10 TBC	TBC 2018-12-02 / 11:20 / Crt 10 TBC	TBC 2018-12-02 / 15:00 / Crt 7 TBC	TBC 2018-12-02 / 17:00 / Crt 8 TBC	TBC 2018-12-08 / 10:40 / Crt 7 TBC	TBC
Ko Hei Shun 高晞舜 (嘉諾撒) 2018-12-01 / 10:40 / Crt 5 Cheng Lok Yin 鄭樂言 (沙官)						
Lee Shiu Hei Marcus 李紹希 (弘立) --	Lee Shiu Hei Marcus 李紹希 (弘立) 2018-12-01 / 15:20 / Crt 5 Lee Ka Ho 李嘉豪 (美林)	TBC 2018-12-02 / 11:20 / Crt 5 TBC	TBC 2018-12-02 / 15:00 / Crt 7 TBC	TBC 2018-12-02 / 17:00 / Crt 8 TBC	TBC 2018-12-08 / 10:40 / Crt 7 TBC	TBC
Lee Ka Ho 李嘉豪 (美林)						
Han Nathan Bojun 韓伯峻 (九龍塘宣道) --	Han Nathan Bojun 韓伯峻 (九龍塘宣道) 2018-12-01 / 15:20 / Crt 4 Wong Yiu Yeung 黃耀揚 (嘉諾撒)	TBC 2018-12-02 / 11:20 / Crt 5 TBC	TBC 2018-12-02 / 15:00 / Crt 7 TBC	TBC 2018-12-02 / 17:00 / Crt 8 TBC	TBC 2018-12-08 / 10:40 / Crt 7 TBC	TBC
Wong Yiu Yeung 黃耀揚 (嘉諾撒)						
Lam Wai Hei 林緯曦 (田千) --	Lam Wai Hei 林緯曦 (田千) 2018-12-01 / 15:20 / Crt 3 Lai Kin Shun 黎堅信 (救恩) (9/16)	TBC 2018-12-02 / 11:20 / Crt 5 TBC	TBC 2018-12-02 / 15:00 / Crt 7 TBC	TBC 2018-12-02 / 17:00 / Crt 8 TBC	TBC 2018-12-08 / 10:40 / Crt 7 TBC	TBC
Lai Kin Shun 黎堅信 (救恩) (9/16)						
Tse Tsz Kui 謝梓鉅 (基福) (9/16) --	Tse Tsz Kui 謝梓鉅 (基福) (9/16) 2018-12-01 / 15:20 / Crt 2 Woo Kin Heng Jonathan 胡健衡 (拔萃男附小)	TBC 2018-12-02 / 11:20 / Crt 4 TBC	TBC 2018-12-02 / 15:00 / Crt 7 TBC	TBC 2018-12-02 / 17:00 / Crt 8 TBC	TBC 2018-12-08 / 10:40 / Crt 7 TBC	TBC
Woo Kin Heng Jonathan 胡健衡 (拔萃男附小)						
Tse Yan Yiu 謝恩耀 (田千) --	Tse Yan Yiu 謝恩耀 (田千) 2018-12-01 / 15:40 / Crt 9 Tang Lai Lam 鄧禮霖 (博梁省德)	TBC 2018-12-02 / 11:20 / Crt 4 TBC	TBC 2018-12-02 / 15:00 / Crt 7 TBC	TBC 2018-12-02 / 17:00 / Crt 8 TBC	TBC 2018-12-08 / 10:40 / Crt 7 TBC	TBC
Tang Lai Lam 鄧禮霖 (博梁省德)						
Chan Ho Hei 陳昊希 (光明英來) --	Chan Ho Hei 陳昊希 (光明英來) 2018-12-01 / 15:40 / Crt 8 Yan Ho Ching Arnold 甄浩正 (喇沙)	TBC 2018-12-02 / 11:20 / Crt 3 TBC	TBC 2018-12-02 / 15:00 / Crt 7 TBC	TBC 2018-12-02 / 17:00 / Crt 8 TBC	TBC 2018-12-08 / 10:40 / Crt 7 TBC	TBC
Yan Ho Ching Arnold 甄浩正 (喇沙)						
Tang Yin Jit 董言哲 (救恩) 2018-12-01 / 10:40 / Crt 4 Lam Yuen Sarm 林圓叁 (聖約瑟)	TBC 2018-12-01 / 15:40 / Crt 7 Li Tsz Huen 李籽暉 (浸聯) (3/4)	TBC 2018-12-02 / 11:20 / Crt 3 TBC	TBC 2018-12-02 / 15:00 / Crt 7 TBC	TBC 2018-12-02 / 17:00 / Crt 8 TBC	TBC 2018-12-08 / 10:40 / Crt 7 TBC	TBC
Li Tsz Huen 李籽暉 (浸聯) (3/4)						

HKSSF All Hong Kong Inter-Primary School Squash Competition 2018-2019

Division : Boys B Grade (男子乙組)
Date : 2018/12/01, 2018/12/02, 2018/12/08
Venue : Hong Kong Squash Centre (No.23 Cotton Tree Drive, Hong Kong)
 香港壁球中心 (香港金鐘紅棉路23號)

Main Draw 主要賽事 (Revised on 26/11/2018) (PAGE 3/4)

Round 1	Round 2	Round 3	Round 4	Quarter-Finals	Semi-Finals	Final
Wong Sze Yu 黃思諭 (聖約瑟) (3/4) --	Wong Sze Yu 黃思諭 (聖約瑟) (3/4) 2018-12-01 / 15:40 / Crt 11 TBC	TBC 2018-12-02 / 11:40 / Crt 9 TBC	TBC 2018-12-02 / 15:00 / Crt 10 TBC	TBC 2018-12-02 / 17:00 / Crt 7 TBC	TBC 2018-12-08 / 10:40 / Crt 11 TBC	TBC
Leung Wai Ki 梁緯祈 (蔡衍濤) 2018-12-01 / 10:40 / Crt 3 Law Tsz Hin 羅梓軒 (西貢崇真)						
Li Tsz Chung 李梓充 (田千) --	Li Tsz Chung 李梓充 (田千) 2018-12-01 / 15:40 / Crt 10	TBC 2018-12-02 / 11:40 / Crt 8 TBC	TBC 2018-12-02 / 15:00 / Crt 10 TBC	TBC 2018-12-02 / 17:00 / Crt 7 TBC	TBC 2018-12-08 / 10:40 / Crt 11 TBC	TBC
Hui Shing Lok 許承洛 (救恩)	Hui Shing Lok 許承洛 (救恩)					
Ng Ambrose 吳爾邦 (香港學堂) --	Ng Ambrose 吳爾邦 (香港學堂) 2018-12-01 / 15:40 / Crt 5	TBC 2018-12-02 / 11:40 / Crt 8 TBC	TBC 2018-12-02 / 15:00 / Crt 10 TBC	TBC 2018-12-02 / 17:00 / Crt 7 TBC	TBC 2018-12-08 / 10:40 / Crt 11 TBC	TBC
Lee Kit Long 李杰朗 (基福)	Lee Kit Long 李杰朗 (基福)					
Chan Hoi Hei 陳海晞 (沙官) --	Chan Hoi Hei 陳海晞 (沙官) 2018-12-01 / 15:40 / Crt 4	TBC 2018-12-02 / 11:40 / Crt 7 TBC	TBC 2018-12-02 / 15:00 / Crt 10 TBC	TBC 2018-12-02 / 17:00 / Crt 7 TBC	TBC 2018-12-08 / 10:40 / Crt 11 TBC	TBC
Pang Chun Chung Thomas 彭竣聰 (基福) (9/16)	Pang Chun Chung Thomas 彭竣聰 (基福) (9/16)					
Chow Chung Lam 周頌林 (基福) (9/16) --	Chow Chung Lam 周頌林 (基福) (9/16) 2018-12-01 / 15:40 / Crt 3	TBC 2018-12-02 / 11:40 / Crt 7 TBC	TBC 2018-12-02 / 15:00 / Crt 10 TBC	TBC 2018-12-02 / 17:00 / Crt 7 TBC	TBC 2018-12-08 / 10:40 / Crt 11 TBC	TBC
Chan Kayden 陳守正 (西貢崇真)	Chan Kayden 陳守正 (西貢崇真)					
Li Cheuk Fai 李卓暉 (青松) --	Li Cheuk Fai 李卓暉 (青松) 2018-12-01 / 15:40 / Crt 2	TBC 2018-12-02 / 15:00 / Crt 5 TBC	TBC 2018-12-02 / 11:40 / Crt 11 TBC	TBC 2018-12-02 / 17:00 / Crt 7 TBC	TBC 2018-12-08 / 10:40 / Crt 11 TBC	TBC
Watt Ka Hong Robbie 屈家匡 (喇沙)	Watt Ka Hong Robbie 屈家匡 (喇沙)					
Pun Loch 潘樂 (李宗德) --	Pun Loch 潘樂 (李宗德) 2018-12-01 / 16:00 / Crt 9	TBC 2018-12-02 / 11:40 / Crt 11 TBC	TBC 2018-12-02 / 15:00 / Crt 10 TBC	TBC 2018-12-02 / 17:00 / Crt 7 TBC	TBC 2018-12-08 / 10:40 / Crt 11 TBC	TBC
Navjot Singh 立頌昇 (荃商)	Navjot Singh 立頌昇 (荃商)					
Ip Tsz Mong 葉子望 (救恩) 2018-12-01 / 10:40 / Crt 2 Muhammad Anees 何安生 (荃商)	TBC 2018-12-01 / 16:00 / Crt 8	TBC 2018-12-02 / 11:40 / Crt 11 TBC	TBC 2018-12-02 / 15:00 / Crt 10 TBC	TBC 2018-12-02 / 17:00 / Crt 7 TBC	TBC 2018-12-08 / 10:40 / Crt 11 TBC	TBC
Wong Shiu Jit Isaac 黃劭哲 (馬頭涌紅磡灣) (5/8)	Wong Shiu Jit Isaac 黃劭哲 (馬頭涌紅磡灣) (5/8)					

HKSSF All Hong Kong Inter-Primary School Squash Competition 2018-2019

Division : Boys B Grade (男子乙組)
Date : 2018/12/01, 2018/12/02, 2018/12/08
Venue : Hong Kong Squash Centre (No.23 Cotton Tree Drive, Hong Kong)
 香港壁球中心 (香港金鐘紅棉路23號)

Main Draw 主要賽事 (Revised on 26/11/2018) (PAGE 4/4)

Round 1	Round 2	Round 3	Round 4	Quarter-Finals	Semi-Finals	Final
Ho Yat Fan 何一凡 (基福) (5/8) --	Ho Yat Fan 何一凡 (基福) (5/8) 2018-12-01 / 16:00 / Crt 7 TBC	TBC 2018-12-02 / 11:40 / Crt 10 TBC	TBC 2018-12-02 / 15:00 / Crt 4 TBC	TBC	TBC	TBC
Tang Ching Ho 鄧政昊 (聖安多尼) 2018-12-01 / 11:00 / Crt 9 Leung Fung Ethan 梁鋒 (蔡衍濤)						
Li Hau Man 李厚文 (聖約瑟) --	Li Hau Man 李厚文 (聖約瑟) 2018-12-01 / 16:00 / Crt 11	TBC 2018-12-02 / 11:40 / Crt 5 TBC	TBC	TBC 2018-12-02 / 17:00 / Crt 11 TBC	TBC 2018-12-08 / 10:40 / Crt 11 TBC	TBC
Chim Hay Yat lan 詹喜逸 (拔萃男附小)	Chim Hay Yat lan 詹喜逸 (拔萃男附小)					
Mo Yu Tung 毛裕童 (嘉諾撒) --	Mo Yu Tung 毛裕童 (嘉諾撒) 2018-12-01 / 16:00 / Crt 10	TBC 2018-12-02 / 11:40 / Crt 5 TBC	TBC	TBC 2018-12-02 / 17:00 / Crt 11 TBC	TBC 2018-12-08 / 10:40 / Crt 11 TBC	TBC
Lai Nexus Chak Ting 黎澤靈 (拔萃男附小)	Lai Nexus Chak Ting 黎澤靈 (拔萃男附小)					
Yung Ka Long Carson 容嘉朗 (聖公會呂明才) --	Yung Ka Long Carson 容嘉朗 (聖公會呂明才) 2018-12-01 / 16:00 / Crt 5	TBC 2018-12-02 / 11:40 / Crt 4 TBC	TBC	TBC 2018-12-02 / 17:00 / Crt 11 TBC	TBC 2018-12-08 / 10:40 / Crt 11 TBC	TBC
Shen Corey 沈傳杰 (漢基國際CIS) (9/16)	Shen Corey 沈傳杰 (漢基國際CIS) (9/16)					
Wong Hon Yin Jeffrey 黃瀚彥 (天天) (9/16) --	Wong Hon Yin Jeffrey 黃瀚彥 (天天) (9/16) 2018-12-01 / 16:00 / Crt 4	TBC 2018-12-02 / 11:40 / Crt 4 TBC	TBC 2018-12-02 / 15:00 / Crt 3 TBC	TBC 2018-12-02 / 17:00 / Crt 11 TBC	TBC 2018-12-08 / 12:40 / Crt 8 TBC	TBC
Chui Lang Jeffrey 徐蘭 (聖安多尼)	Chui Lang Jeffrey 徐蘭 (聖安多尼)					
Sit Lok Yin Pasco 薛諾言 (培正) --	Sit Lok Yin Pasco 薛諾言 (培正) 2018-12-01 / 16:00 / Crt 3	TBC 2018-12-02 / 11:40 / Crt 3 TBC	TBC	TBC 2018-12-02 / 17:00 / Crt 11 TBC	TBC 2018-12-08 / 12:40 / Crt 8 TBC	TBC
Chan Wing Hong 陳永康 (聖文德)	Chan Wing Hong 陳永康 (聖文德)					
Leung Tou 梁陶 (救恩) --	Leung Tou 梁陶 (救恩) 2018-12-01 / 16:00 / Crt 2	TBC 2018-12-02 / 11:40 / Crt 3 TBC	TBC	TBC 2018-12-02 / 17:00 / Crt 11 TBC	TBC 2018-12-08 / 12:40 / Crt 8 TBC	TBC
Liu Tsz Hang 廖梓亨 (浸聯)	Liu Tsz Hang 廖梓亨 (浸聯)					
Cheng Tsz Hei 鄭子熙 (聖約瑟) 2018-12-01 / 11:00 / Crt 8 Lo Cheuk Hei 羅卓熙 (華富寶血)	TBC 2018-12-01 / 16:20 / Crt 9	TBC 2018-12-02 / 11:40 / Crt 3 TBC	TBC	TBC 2018-12-02 / 17:00 / Crt 11 TBC	TBC 2018-12-08 / 12:40 / Crt 8 TBC	TBC
Cheuk Chun Yin 卓俊言 (胡少渠) (2)	Cheuk Chun Yin 卓俊言 (胡少渠) (2)					